

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	8 – 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2025	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2025	13 – 14
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025	15 – 78

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số **1165/QĐ-TTg** ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số **3700146458**, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 12 năm 2025.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3700146458

*** Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|------------------------|---|
| 1. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Bùi Kim Nga | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/06/2025) |
| 5. | Ông | Nguyễn Viết Trọng Nhân | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/06/2025) |
| 6. | Ông | Trần Tấn Tới | Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 18/06/2025) |

Bà Phạm Thị Băng Trang được bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 08/NQ-HĐQT ngày 18/06/2025.

Bà Bùi Kim Nga, Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân, Ông Trần Tấn Tới được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 5 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 07/NQ-HĐQT ngày 18/06/2025.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 78.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán cùng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Số: 0407.01-04/2026/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 78, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm, dẫn đến khoản mục Hàng tồn kho (Thuyết minh V.7) trên Bảng Cân đối kế toán chưa được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tổng Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục Hàng tồn kho trên bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi, chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm tương ứng khoản 30,6 tỷ Đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến việc phân bổ lợi thế kinh doanh của những năm trước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1762-2023-124-1

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4705-2024-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.754.983.044.873	6.066.454.338.901
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.794.732.984.086	1.309.974.148.970
111	1. Tiền		735.727.984.086	646.915.148.970
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.059.005.000.000	663.059.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		30.765.000.000	3.298.400.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	30.765.000.000	3.298.400.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.240.410.119.581	1.916.513.887.891
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	2.082.778.918.268	1.723.383.649.096
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.519.682.403	16.693.258.448
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	154.023.132.682	182.285.680.725
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.911.613.772)	(5.848.700.378)
140	IV. Hàng tồn kho		2.639.030.359.741	2.728.881.341.813
141	1. Hàng tồn kho	V.7	2.639.030.359.741	2.728.881.341.813
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.044.581.465	107.786.560.227
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	8.918.276.139	12.028.981.475
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	27.325.742.822	72.323.879.941
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	13.800.562.504	23.433.698.811
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.731.007.009.616	2.888.831.448.617
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		41.037.179.445	54.229.508.185
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.11	-	13.184.628.740
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.12	41.037.179.445	41.044.879.445
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
220	II. Tài sản cố định		1.351.821.767.603	1.569.612.230.872
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.13	1.148.642.974.120	1.241.177.212.878
222	- Nguyên giá		2.393.645.172.498	2.407.539.659.173
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.245.002.198.378)	(1.166.362.446.295)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.14	203.178.793.483	328.435.017.994
228	- Nguyên giá		312.423.261.234	435.729.203.153
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(109.244.467.751)	(107.294.185.159)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.15	293.167.114.468	175.414.839.740
231	- Nguyên giá		351.718.379.254	226.352.419.154
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.551.264.786)	(50.937.579.414)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		651.943.440.926	613.897.374.229
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.16	47.131.030.447	37.973.870.280
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.17	604.812.410.479	575.923.503.949
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		375.550.689.293	351.642.761.899
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.18	375.550.689.293	351.642.761.899
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		17.486.817.881	124.034.733.692
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.19	17.486.817.881	124.034.733.692
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.485.990.054.489	8.955.285.787.518

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.664.418.098.534	6.216.927.011.090
310	I. Nợ ngắn hạn		6.377.793.110.464	5.900.145.989.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.20	467.953.577.425	1.013.548.099.677
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.21	7.405.268.904	1.171.488.759
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.22	278.294.265.348	225.784.059.748
314	4. Phải trả người lao động		10.445.307.661	19.446.367.199
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.23	8.647.928.603	7.290.328.193
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.24	42.988.888.760	315.997.277.110
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.25	5.120.928.402.538	3.878.595.438.512
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.26	49.488.842.608	47.454.734.683
323	11. Quỹ bình ổn giá	V.27	391.640.628.617	390.858.195.308
330	II. Nợ dài hạn		286.624.988.070	316.781.021.901
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.28	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.29	219.352.501.016	231.504.745.859
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.30	20.525.504.054	23.012.613.042
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.31	24.722.783.000	40.239.463.000
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.821.571.955.955	2.738.358.776.428
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.32	2.821.571.955.955	2.738.358.776.428
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.32.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ	V.32.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.32.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	6. Quỹ đầu tư phát triển	V.32.4	41.140.666.966	32.530.533.229
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	8. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.32.5	72.039.163.163	2.025.125.850
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(49.666.015.231)	(35.366.776.780)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		121.705.178.394	37.391.902.630
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.32.6	367.878.349.420	363.289.340.943
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.485.990.054.489	8.955.285.787.518

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.468.997.285.393	20.271.716.329.351
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.33	21.468.997.285.393	20.271.716.329.351
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.34	20.548.738.613.200	19.478.518.767.324
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		920.258.672.193	793.197.562.027
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.35	57.701.384.319	57.787.102.207
22	7. Chi phí tài chính	VI.36	284.443.079.908	270.462.772.431
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		242.085.792.550	207.336.698.518
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.37	41.455.576.351	23.487.683.935
25	9. Chi phí bán hàng	VI.38	361.640.244.881	435.235.873.413
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.39	110.116.770.626	107.425.103.168
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		263.215.537.448	61.348.599.157
31	12. Thu nhập khác	VI.40	22.090.274.359	72.439.952.210
32	13. Chi phí khác	VI.41	112.645.173.603	60.990.732.865
40	14. Lợi nhuận khác		(90.554.899.244)	11.449.219.345
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		172.660.638.204	72.797.818.502
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.42	27.940.054.290	12.505.289.350
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		144.720.583.914	60.292.529.152
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		133.031.775.299	46.986.316.245
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.43	11.688.808.615	13.306.212.907
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.44	494	163
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.44	494	163

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		172.660.638.204	72.797.818.502
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.13;14;15	108.260.457.992	98.984.224.478
03	- Các khoản dự phòng	V.6	2.062.913.394	(1.300.714.089)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(771.581.696)	3.521.807.149
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(78.860.229.060)	(49.346.281.417)
06	- Chi phí lãi vay	VI.36	242.085.792.550	207.336.698.518
07	- Các khoản điều chỉnh khác		15.776.420.932	5.818.267.327
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		461.214.412.316	337.811.820.468
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(279.446.133.278)	(553.343.722.026)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		80.693.821.905	142.196.200.293
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(793.158.552.757)	875.153.443.398
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		109.658.621.147	103.343.717.489
14	- Tiền lãi vay đã trả		(239.950.797.784)	(211.324.355.303)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.22	(17.999.586.541)	(38.680.680.255)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.589.008.477	107.824.110.308
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.785.078.705)	(19.029.489.957)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(700.184.285.220)	743.951.044.415

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(160.785.443.592)	(97.178.691.789)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		132.713.557.548	85.681.610.594
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34.765.000.000)	(798.400.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.298.400.000	75.636.416.400
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		49.644.358.736	25.009.206.434
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.894.127.308)	88.350.141.639
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.25	23.403.957.140.721	20.844.466.371.332
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.25;31	(22.169.030.336.603)	(21.731.983.361.871)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.122.256.420)	(81.670.664.665)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.190.804.547.698	(969.187.655.204)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		484.726.135.170	(136.886.469.150)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.309.974.148.970	1.446.850.161.071
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		32.699.946	10.457.049
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.794.732.984.086	1.309.974.148.970

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ **Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:**

	Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	Văn phòng giao dịch, cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
8.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9.	Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM	Dịch vụ cho thuê hội trường
10.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
11.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 - Thanh Lễ	Ấp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12.	Kho cảng xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
13.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Đường	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.HCM	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Phường Thuận An, TP.HCM	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15.	Hệ thống 22 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TP HCM và Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp	Vốn đầu tư của TCT	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	3702395178	480.000.000.000	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 31/12/2025 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	-	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381	25.242.423.594	590.987.539.787		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.
- Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

- Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/05/2025 của Bộ Tài chính.
- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

	Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+	Máy móc và thiết bị	03 – 15
+	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+	Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. TSCĐ vô hình được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn và QSDĐ lâu dài. Nguyên giá của Quyền sử dụng đất (QSDĐ) gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Chương trình phần mềm*

- Nguyên giá chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

❖ *Giấy phép xả nước thải*

Nguyên giá của Giấy phép xả nước thải là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã chi ra để được cấp giấy phép xả nước thải theo quy định. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của giấy phép. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ vô hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Chương trình phần mềm	10
+ Giấy phép xả nước thải	10

7. **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

- Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

- Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản trả trước

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.
- Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Lợi thế thương mại

- Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.
- Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.
- Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

14. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

15. Doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ Lợi ích cổ đông không kiểm soát

- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm,

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi trên cổ phiếu

- *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).
- *Lãi suy giảm trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (từ số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

23. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

		ĐVT: Đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		11.767.117.611	75.184.860.614
- Tiền gửi ngân hàng (*)		723.960.866.475	571.730.288.356
- Các khoản tương đương tiền (**)		1.059.005.000.000	663.059.000.000
	Cộng	1.794.732.984.086	1.309.974.148.970
(*) Trong đó Tiền gửi		USD 58,612.98	USD 39,105.86

(**) Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20.765.000.000	3.298.400.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	10.000.000.000	-
Cộng	30.765.000.000	3.298.400.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Phải thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.512.396.525.042	1.162.006.924.062
- Phải thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	349.948.249.740	335.484.701.646
- Phải thu hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	220.434.143.486	225.892.023.388
Cộng	2.082.778.918.268	1.723.383.649.096

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	1.482.546.466
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	9.100.908.000	5.971.821.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	5.357.977.656	3.212.082.539
- Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	5.045.141.809	8.529.647.029
- Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	1.116.562.938	4.951.528.880
Cộng	11.519.682.403	16.693.258.448

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	33.055.340.462	69.087.331.615
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ	38.533.799.847	47.912.838.989
- Tạm ứng	58.938.140.363	59.143.481.082
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	557.067.711	555.770.050
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.738.857.315	4.051.097.315
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S (*)	15.175.930.000	-
- Các đối tượng khác	2.023.996.984	1.535.161.674
Cộng	154.023.132.682	182.285.680.725

(*) Bên liên quan.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ TM Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
- Công ty TNHH MTV Thời trang của Chúng ta VINA	2.262.913.394	(2.262.913.394)	2.262.913.394	-
- Ông Thái Tấn Phát	-	-	200.000.000	(200.000.000)
Cộng	7.996.670.563	(7.911.613.772)	8.196.670.563	(5.848.700.378)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

(*) Hoàn nhập dự phòng nợ đã thu hồi được trong năm.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	750.915.360.368	666.260.790.567
- Nguyên liệu, vật liệu	69.142.742.628	69.916.950.229
- Công cụ, dụng cụ	677.780.261	438.815.041
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	279.100.000	124.950.000
- Thành phẩm	478.080.786.593	504.480.708.740
- Hàng hoá	1.339.934.589.891	1.487.659.127.236
Cộng	2.639.030.359.741	2.728.881.341.813

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	4.089.203.539	2.496.618.726	(4.696.684.515)	1.889.137.750
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	7.939.777.936	20.622.058.953	(21.532.698.500)	7.029.138.389
Cộng	12.028.981.475	23.118.677.679	(26.229.383.015)	8.918.276.139

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Thuế GTGT được khấu trừ	27.325.742.822	72.323.879.941
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.		
10. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.887.692.123	22.758.063.093
- Thuế Thu nhập cá nhân	190.699.389	668.878.716
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	1.722.170.992	6.757.002
Cộng	13.800.562.504	23.433.698.811
11. Trả trước cho người bán dài hạn	-	13.184.628.740
Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.		
12. Phải thu dài hạn khác		
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	21.033.179.445	21.033.179.445
- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Các đối tượng khác	4.000.000	11.700.000
Cộng	41.037.179.445	41.044.879.445

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

13. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.640.675.164.149	297.957.647.966	457.369.696.404	7.505.489.350	4.031.661.304	2.407.539.659.173
Tăng trong năm	2.288.117.168	435.176.945	5.798.975.453	53.800.000	640.480.500	9.216.550.066
Thanh lý, nhượng bán	(1.963.677.466)	(897.814.452)	(20.219.073.943)	(30.470.880)	-	(23.111.036.741)
Số cuối năm	1.640.999.603.851	297.495.010.459	442.949.597.914	7.528.818.470	4.672.141.804	2.393.645.172.498
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	703.261.987.877	143.950.069.281	310.774.335.488	5.258.848.754	3.117.204.895	1.166.362.446.295
Khấu hao trong năm	39.206.045.856	24.245.931.558	33.956.518.732	488.744.512	481.067.551	98.378.308.209
Thanh lý, nhượng bán	(1.886.213.005)	(820.696.562)	(17.002.357.471)	(29.289.088)	-	(19.738.556.126)
Số cuối năm	740.581.820.728	167.375.304.277	327.728.496.749	5.718.304.178	3.598.272.446	1.245.002.198.378
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	937.413.176.272	154.007.578.685	146.595.360.916	2.246.640.596	914.456.409	1.241.177.212.878
Số cuối năm	900.417.783.123	130.119.706.182	115.221.101.165	1.810.514.292	1.073.869.358	1.148.642.974.120
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Số đầu năm	17.847.066.538	36.466.582.470	112.216.692.180	1.603.912.217	1.738.604.003	169.872.857.408
Số cuối năm	16.599.321.272	47.963.034.111	139.061.969.124	1.985.552.580	2.881.155.624	208.491.032.711

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

14. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy tính [b]	Giấy phép và GP nhượng quyền [c]	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Số đầu năm	434.133.674.334	1.277.347.000	318.181.819	435.729.203.153
Tăng trong năm	-	2.378.200.000	-	2.378.200.000
Phân loại sang BĐSĐT	(125.365.960.100)	-	-	(125.365.960.100)
Giảm khác	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Số cuối năm	308.767.714.234	3.655.547.000	-	312.423.261.234
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	106.323.691.309	652.312.031	318.181.819	107.294.185.159
Khấu hao trong năm	7.063.275.288	300.918.685	-	7.364.193.973
Phân loại sang BĐSĐT	(5.095.729.562)	-	-	(5.095.729.562)
Giảm khác	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Số cuối năm	108.291.237.035	953.230.716	-	109.244.467.751
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	327.809.983.025	625.034.969	-	328.435.017.994
Số cuối năm	200.476.477.199	2.702.316.284	-	203.178.793.483

- [a] Là Giá trị Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- [b] Là Phần mềm quản lý các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và Hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP tại văn phòng công ty.
- [c] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

15. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
Chi tiêu					
Nguyên giá					
Số đầu năm	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	226.352.419.154
Tăng khác (*)	125.365.960.100	-	-	-	125.365.960.100
Số cuối năm	281.104.376.155	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	351.718.379.254
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.231.616.449	7.904.639.418	9.552.332.452	12.248.991.095	50.937.579.414
Khấu hao trong năm	523.021.476	444.125.652	1.312.518.816	238.289.866	2.517.955.810
Tăng khác (*)	5.095.729.562	-	-	-	5.095.729.562
Số cuối năm	26.850.367.487	8.348.765.070	10.864.851.268	12.487.280.961	58.551.264.786
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	134.506.799.606	14.582.125.658	24.719.104.392	1.606.810.084	175.414.839.740
Số cuối năm	254.254.008.668	14.138.000.006	23.406.585.576	1.368.520.218	293.167.114.468

(*) Tăng do phân loại lại Quyền sử dụng đất tại khu nhà xưởng Khu công nghiệp Bình Đường từ Tài sản cố định vô hình chuyển sang (Tham chiếu thuyết minh V.14).

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Quyền sử dụng đất tại Phường An Bình.

[b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

16. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	19.077.965.146	18.130.928.479
- Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	8.210.123.500	-
Cộng	47.131.030.447	37.973.870.280

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Khu Kho cảng An Sơn	309.588.100.572	301.753.552.285
- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.384.838.969	171.225.638.972
- Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	42.694.396.688	41.675.730.866
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	47.704.055.929	31.496.511.606
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	8.802.182.913	5.553.919.197
- Các công trình, dự án khác	24.638.835.408	24.218.151.023
Cộng	604.812.410.479	575.923.503.949

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

18. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
18.1 Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	310.184.227.276	292.232.608.749
18.2 Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	65.366.462.017	59.410.153.150
Cộng	375.550.689.293	351.642.761.899

18.1 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty nắm giữ 25.000.000 Cổ phiếu, chiếm 25% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

18.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư	256.458.010.136	37.937.734.355	294.395.744.491
Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư			
- Số đầu năm	35.774.598.613	21.472.418.795	57.247.017.408
- Lợi nhuận trong năm	30.630.263.734	10.825.312.617	41.455.576.351
- Phân phối lợi nhuận trong năm	(12.678.645.207)	(4.869.003.750)	(17.547.648.957)
+ Nhận cổ tức	(11.250.000.000)	(3.743.327.000)	(14.993.327.000)
+ Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác	(1.428.645.207)	(1.125.676.750)	(2.554.321.957)
- Số cuối năm	53.726.217.140	27.428.727.662	81.154.944.802
Giá trị khoản đầu tư liên kết			
- Số đầu năm	292.232.608.749	59.410.153.150	351.642.761.899
- Số cuối năm	310.184.227.276	65.366.462.017	375.550.689.293

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

19. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	16.120.440.953	2.769.736.665	(9.181.301.350)	9.708.876.268
- Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	795.047.683	-	(397.523.928)	397.523.755
- Lợi thế kinh doanh (*)	102.472.193.907	-	(102.472.193.907)	-
- Công cụ dụng cụ và các chi phí khác	4.647.051.149	20.957.515.073	(18.224.148.364)	7.380.417.858
Cộng	124.034.733.692	23.727.251.738	(130.275.167.549)	17.486.817.881

- (*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Tổng Công ty phân bổ trong thời hạn 3 năm (2023 – 2025).

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả hoạt động kinh doanh xăng dầu	463.453.146.979	908.586.983.892
- Phải trả hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.123.293.578	8.350.790.155
- Phải trả hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	3.377.136.868	96.610.325.630
Cộng	467.953.577.425	1.013.548.099.677

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	484.640.000	-
---	-------------	---

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	6.048.463.224	831.367.799
- Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.250.000.000	250.000.000
- Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	106.805.680	90.120.960
Cộng	7.405.268.904	1.171.488.759

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm (*)	Thực nộp trong năm (*)	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	5.924.822.914	185.948.101.895	158.157.932.872	33.714.991.937
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.912.838.989	903.542.871.582	912.921.910.724	38.533.799.847
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt (*)	13.471.355.144	488.000.728.156	479.663.800.717	21.808.282.583
- Thuế Xuất, Nhập khẩu (*)	-	17.344.252.496	17.337.577.395	6.675.101
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(18.394.321.123)	27.940.054.290	17.999.586.541	(8.453.853.374)
- Thuế Thu nhập cá nhân	468.534.181	4.467.778.968	4.857.633.130	78.680.019
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(6.757.002)	38.055.744.674	39.771.158.664	(1.722.170.992)
- Thuế bảo vệ môi trường	152.920.487.834	1.808.908.413.119	1.781.365.278.230	180.463.622.723
Thu hộ Phí sử dụng đường bộ;				
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	53.400.000	56.292.732.838	56.282.457.838	63.675.000
Cộng	202.350.360.937	3.530.500.678.018	3.468.357.336.111	264.493.702.844

Trong đó:

- Thuế phải nộp	225.784.059.748	278.294.265.348
Thuế nộp thừa	(23.433.698.811)	(13.800.562.504)
(Tham chiếu V.10)		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- (*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : *Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất,*
Dịch vụ công ích chăm sóc cây xanh đô thị, vận hành chiếu sáng công cộng
(trước ngày 01/07/2025)
- * *Không kê khai thuế* : *Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định; phí sử dụng đường bộ*
- * *5%* : *Nước sinh hoạt*
- * *8% và 10%* : *Xăng, dầu, nhớt các loại; đá xây dựng; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, cung cấp dịch vụ...*

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * *8%* : *Xăng E5 Ron 92*
- * *10%* : *các loại xăng khác*
- * *20%* : *hoạt động kinh doanh Gôn*

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Nghị định sau:

- Nghị định 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hộ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 và Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 (có hiệu lực từ ngày 01/08/2022) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hộ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2024).

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	6.212.124.530	4.084.619.349
- Phí thuê kho tại CN Hải Phòng	1.616.017.115	1.446.878.635
- Chi phí tiền thưởng cho đội tàu	-	1.042.473.300
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí khác	406.422.774	302.992.725
Cộng	8.647.928.603	7.290.328.193

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	206.497.246	443.340.046
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	32.600.000.000	-
- Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	6.454.700.000	8.143.375.000
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông (Tổng Công ty)	151.363.120	128.944.640
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	978.842.097	628.867.097
- Phải trả Upas LC tại các Ngân hàng TMCP	-	303.535.199.560
- Các khoản phải trả khác	1.219.605.497	1.739.669.967
Cộng	42.988.888.760	315.997.277.110

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại nợ đến hạn	Số cuối năm
25.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	692.503.974.217	5.530.735.738.858	(5.338.792.436.212)	-	884.447.276.863
25.2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bình Dương	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-
25.3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	-	286.795.353.997	(186.795.353.997)	-	100.000.000.000
25.4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.127.571.799.090	5.637.748.255.338	(5.213.599.957.122)	-	1.551.720.097.306
25.5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở HCM	-	653.769.912.580	(653.769.912.580)	-	-
25.6	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10	595.432.097.572	1.547.888.400.597	(1.447.025.200.525)	-	696.295.297.644
25.7	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM	21.018.282.788	743.243.063.299	(764.261.346.087)	-	-

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

		Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại nợ đến hạn	Số cuối năm
25.8	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	495.616.763.874	1.824.367.795.909	(1.928.018.334.014)	-	391.966.225.769
25.9	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	147.713.763.578	974.242.816.270	(1.036.094.813.989)	-	85.861.765.859
25.10	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	-	765.911.942.627	(665.910.626.694)	-	100.001.315.933
25.11	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	-	570.366.210.838	(375.156.756.872)	-	195.209.453.966
25.12	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) - CN TP HCM	182.467.060.446	1.806.356.001.544	(1.988.823.061.990)	-	-
25.13	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN TT KD DN lớn HCM	358.317.341.228	1.013.265.742.930	(1.231.161.818.981)	-	140.421.265.177
25.14	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	206.349.955.719	2.049.265.905.934	(1.282.212.557.632)	-	973.403.304.021
25.15	Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương (Nợ dài hạn đến hạn trả)	1.604.400.000	-	(1.604.400.000)	1.602.400.000	1.602.400.000
Cộng		3.878.595.438.512	23.403.957.140.721	(22.163.226.576.695)	1.602.400.000	5.120.928.402.538

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 14/02/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS04/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 26/8/2025, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/01/2026
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 106B23 –XDBD ngày 31/10/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/10/2024)
- Mục đích vay : Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo chương trình cho vay ngắn hạn đối với khách hàng bán buôn năm 2023 là 5,5%/ năm (áp dụng đến hết ngày 31/3/2024)
- Số dư cuối năm : 0 Đồng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/83406/HĐTD ngày 10/9/2025 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, thầu chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/83406/HĐTD ngày 31/12/2025 với các nội dung sau:

- Số tiền vay : 53.191.687.446 Đồng
- Mục đích vay : Nộp thuế Nhập khẩu, TTĐB, GTGT
- Thời hạn vay : 90 ngày
- Lãi suất : 6,5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội sở TP HCM

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4365-01 ngày 20/01/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, thanh toán các loại thuế (trừ thuế TNDN), bảo lãnh thanh toán cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành L/C phục vụ hoạt động nhập khẩu, mua trong nước xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/ phí liên quan đến nhập khẩu/ kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0020/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 27/8/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày 27/8/2026
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023; Thư gia hạn ngày 29/11/2024 và Thư gia hạn ngày 28/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/11/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 307/2025/HDTD/BDG ngày 17/12/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 351878.25.120.969666.TD ngày 20/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 05/11/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

25.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTD ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25.14 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (từ ngày 27/6/2025 đến hết ngày 27/6/2026)
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

25.15 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ vay **Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương** đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.31.2) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	800.400.000	798.400.000	(800.400.000)	798.400.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	804.000.000	804.000.000	(804.000.000)	804.000.000
Cộng	1.604.400.000	1.602.400.000	(1.604.400.000)	1.602.400.000

26. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	47.454.734.683	47.529.808.300
- Bổ sung từ lợi nhuận	16.774.817.530	18.991.023.935
- Tăng khác	-	63.006.620
- Chi trong năm	(14.740.709.605)	(19.129.104.172)
- Số cuối năm	49.488.842.608	47.454.734.683

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

27. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	384.328.214.236	-	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	6.529.981.072	782.433.309	7.312.414.381
Cộng	390.858.195.308	782.433.309	391.640.628.617

	Số cuối năm	Số đầu năm
28. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	231.504.745.859	243.656.990.867
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(12.152.244.843)	(12.152.245.008)
- Số cuối năm	219.352.501.016	231.504.745.859

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

30. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.327.098.920	5.160.279.960
- Công ty TNHH Dong-A Vina	4.020.329.586	3.894.432.318
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	-	2.159.161.704
- Công ty CP Vacxin Việt Nam - CN Bình Dương	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam)	1.180.769.327	1.180.769.327
- Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam	1.192.472.518	1.155.130.049
- Các đối tượng khác	5.301.750.423	5.959.756.404
Cộng	20.525.504.054	23.012.613.042

31. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại Nợ đến hạn	Số cuối năm
31.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN	15.900.000.000	(10.600.000.000)	-	5.300.000.000
31.2 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	24.339.463.000	(3.314.280.000)	(1.602.400.000)	19.422.783.000
Cộng	40.239.463.000	(13.914.280.000)	(1.602.400.000)	24.722.783.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

31.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/07/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **53.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 31/12/2025 : **5.300.000.000 Đồng**

*Trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng : 5.300.000.000 Đồng***31.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương**

Các khoản Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Số đầu năm	Trả nợ vay trong năm	Chuyển Nợ đến hạn	Số cuối năm
- HĐTD số 02/2024 cải tạo NM XLNT Sóng Thần 1	21.819.063.000	(3.314.280.000)	-	18.504.783.000
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác (*)	798.400.000	-	(798.400.000)	-
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác (*)	1.722.000.000	-	(804.000.000)	918.000.000
Cộng	24.339.463.000	(3.314.280.000)	(1.602.400.000)	19.422.783.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Một số điều khoản của các Hợp đồng tín dụng như sau:

- * Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/05/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 16-2025/HĐSĐBS-QBVMТ ngày 24/12/2025 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **23.079.393.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
- Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
- Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Số dư cuối năm : **18.504.783.000 Đồng**
trong đó Nợ đến hạn trong vòng 12 tháng là **3.314.280.000 Đồng**.

- * Hợp đồng tín dụng số 04/2021/HĐTD ngày 10/12/2021:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 2 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **798.400.000 Đồng**,
trong đó Nợ đến hạn trả là **798.400.000 Đồng**.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

* Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023:

- Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
- Thời hạn vay : 60 tháng
- Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
- Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
- Số dư cuối năm : **804.000.000 Đồng,**
trong đó Nợ đến hạn trả là **804.000.000 Đồng.**

(*) Các Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32. Vốn chủ sở hữu (CSH)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A Năm trước				
32.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
32.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
32.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
32.4 Quỹ đầu tư phát triển	15.757.298.185	16.773.235.044	-	32.530.533.229
32.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	66.312.485.658	46.986.316.245	(111.273.676.053)	2.025.125.850
32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	223.993.499.244	147.754.418.107	(8.458.576.408)	363.289.340.943
Cộng	2.646.577.059.493	211.513.969.396	(119.732.252.461)	2.738.358.776.428
B Năm nay				
32.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
32.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
32.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
32.4 Quỹ đầu tư phát triển	32.530.533.229	8.610.133.737	-	41.140.666.966
32.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	2.025.125.850	133.031.775.299	(63.017.737.986)	72.039.163.163
32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	363.289.340.943	11.688.808.615	(7.099.800.138)	367.878.349.420
Cộng	2.738.358.776.428	153.330.717.651	(70.117.538.124)	2.821.571.955.955

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cuối năm (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban Nhân dân TP HCM	85.176.000	36,00%	85.176.000	36,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	64,00%	151.424.000	64,00%
Cộng	236.600.000	100,00 %	236.600.000	100,00 %

32.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

32.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất”.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	17.738.905.964
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	515.380.782
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	6.988.136.848	6.988.136.848
Cộng	25.242.423.594	25.242.423.594

32.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	32.530.533.229	15.757.298.185
- Trích trong năm	8.610.133.737	16.773.235.044
- Số cuối năm	41.140.666.966	32.530.533.229

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	2.025.125.850	66.312.485.658
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP năm trước	(2.553.661.334)	(1.969.675.769)
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(49.137.479.747)	(99.709.586.669)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(4.913.521.922)	(14.358.921.851)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(7.370.282.883)	(9.572.614.568)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(1.130.110.042)	(2.201.701.350)
+ Chia cổ tức	(35.723.564.900)	(73.576.348.900)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	(49.666.015.231)	(35.366.776.780)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	133.031.775.299	46.986.316.245
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(11.326.596.905)	(9.594.413.615)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(3.696.611.815)	(2.414.313.193)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(7.629.985.090)	(6.804.353.620)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	-	(375.746.802)
- Lợi nhuận CPP năm nay	121.705.178.394	37.391.902.630
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	72.039.163.163	2.025.125.850

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A Năm trước				
- Số đầu năm	225.152.294.800	75.306.394	(1.234.101.950)	223.993.499.244
- Tăng vốn trong năm	134.448.205.200	-	-	134.448.205.200
- Lãi, lỗ trong năm	-	-	13.306.212.907	13.306.212.907
- Chia cổ tức	-		(8.421.968.812)	(8.421.968.812)
- Trích quỹ	-	1.750.449.948	(1.787.057.544)	(36.607.596)
- Số cuối năm	359.600.500.000	1.825.756.342	1.863.084.601	363.289.340.943
B Năm nay				
- Số đầu năm	359.600.500.000	1.825.756.342	1.863.084.601	363.289.340.943
- Lãi, lỗ trong năm	-	-	11.688.808.615	11.688.808.615
- Chia cổ tức	-		(6.454.700.000)	(6.454.700.000)
- Trích quỹ	-	2.680.155.159	(3.325.255.297)	(645.100.138)
- Số cuối năm	359.600.500.000	4.505.911.501	3.771.937.919	367.878.349.420

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2025

		ĐVT: Đồng	
		Năm nay	Năm trước
33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
- Doanh thu bán hàng hóa	20.112.070.471.079	19.140.341.204.948	
- Doanh thu bán các thành phẩm	859.511.262.070	562.863.776.070	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	321.390.501.834	397.134.802.253	
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	172.030.314.384	168.476.502.822	
- Doanh thu khác	3.994.736.026	2.900.043.258	
Cộng Doanh thu thuần	21.468.997.285.393	20.271.716.329.351	
34. Giá vốn hàng bán			
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.414.411.025.787	18.597.510.336.914	
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	851.248.179.329	566.800.074.276	
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	207.981.481.164	276.299.574.962	
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	75.097.926.920	37.908.781.172	
Cộng	20.548.738.613.200	19.478.518.767.324	
35. Doanh thu hoạt động tài chính			
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.348.682.147	16.673.278.840	
- Lãi chênh lệch tỷ giá	21.233.892.162	39.335.747.486	
- Chiết khấu thanh toán	118.810.010	1.778.075.881	
Cộng	57.701.384.319	57.787.102.207	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

36. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	242.085.792.550	207.336.698.518
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	42.357.287.358	63.126.073.913
Cộng	284.443.079.908	270.462.772.431

37. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	30.630.263.734	15.873.835.635
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	10.825.312.617	7.613.848.300
Cộng	41.455.576.351	23.487.683.935

38. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	84.816.693.857	79.114.156.526
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.931.230.468	2.034.469.730
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.439.088.525	1.705.729.374
- Chi phí khấu hao TSCĐ	40.838.538.813	40.321.742.547
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.744.723.130	189.000.654.656
- Chi phí bằng tiền khác	155.869.970.088	123.059.120.580
Cộng	361.640.244.881	435.235.873.413

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

39. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	52.573.934.935	47.891.520.251
- Chi phí vật liệu quản lý	805.128.817	857.964.807
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.641.366.999	585.480.751
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.335.509.242	7.080.562.847
- Thuế, phí và lệ phí	500.098.654	214.473.196
- Chi phí dự phòng	2.062.913.394	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.399.485.082	18.842.128.007
- Chi phí bằng tiền khác	24.798.333.503	31.952.973.309
Cộng	110.116.770.626	107.425.103.168

40. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	3.955.723.905	66.076.582.879
- Thu bồi thường di dời	12.665.949.690	-
- Hoa hồng, phí đường bộ được hưởng	710.192.517	749.403.688
- Thu tiền điện, nước khách thuê, Thu nhập khác	4.758.408.247	5.613.965.643
Cộng	22.090.274.359	72.439.952.210

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

41. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.899.753.343	56.891.264.237
- Các khoản tiền phạt	1.485.020.537	887.207.971
- Chi phí phân bổ giá trị lợi thế thương mại	102.472.193.907	-
- Chi tiền điện, nước khách thuê, Chi phí khác	5.788.205.816	3.212.260.657
Cộng	112.645.173.603	60.990.732.865

42. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	172.660.638.204	72.797.818.502
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	115.132.111.178	118.067.719.923
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(74.448.211.344)	(58.935.288.753)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(73.775.832.393)	(69.403.802.919)
- Tổng Thu nhập tính thuế	139.568.705.645	62.526.446.753
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.913.741.129	12.505.289.350
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	26.313.161	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.940.054.290	12.505.289.350

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

43. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	1.084.084.834	1.220.253.160
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	(1.017.805.648)	(204.522.961)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	10.720.620.637	8.752.249.741
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	901.908.792	3.538.232.967
Cộng	11.688.808.615	13.306.212.907

44. Lãi trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	133.031.775.299	46.986.316.245
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(16.103.088.435)	(8.500.392.925)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	116.928.686.864	38.485.923.320
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	236.579.900	236.579.900
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	494	163
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	494	163

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong niên độ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Liên quan đến khoản chi phí phân bổ là giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (Thuyết minh V.18), trên cơ sở các văn bản pháp luật liên quan ban hành trong năm 2025:

- + Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/08/2025, về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước, của Bộ trưởng Bộ Tài chính. *Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.*
- + Công văn số 6705/UBCK-GSDC ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước liên quan đến Báo cáo tài chính 2024 chưa phân bổ khoản mục chi phí trả trước dài hạn về lợi thế thương mại bổ sung cho năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc - Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước nhằm thực hiện phân bổ khoản chi phí này trong thời hạn 3 năm từ 2023 đến 2025. Do đó một số chỉ tiêu của năm trước và số đầu năm đã được điều chỉnh, trình bày lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2025, cụ thể như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.043.911.827.548	22.542.511.353	6.066.454.338.901
150	Tài sản ngắn hạn khác	85.244.048.874	22.542.511.353	107.786.560.227
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	891.187.458	22.542.511.353	23.433.698.811
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	3.016.921.691.001	(128.090.242.384)	2.888.831.448.617
260	Tài sản dài hạn khác	252.124.976.076	(128.090.242.384)	124.034.733.692
261	Chi phí trả trước dài hạn	252.124.976.076	(128.090.242.384)	124.034.733.692
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.060.833.518.549	(105.547.731.031)	8.955.285.787.518

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.843.906.507.459	(105.547.731.031)	2.738.358.776.428
410	Vốn chủ sở hữu	2.843.906.507.459	(105.547.731.031)	2.738.358.776.428
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNST CPP)	107.572.856.881	(105.547.731.031)	2.025.125.850
421a	LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	44.562.905.774	(79.929.682.554)	(35.366.776.780)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	63.009.951.107	(25.618.048.477)	37.391.902.630
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.060.833.518.549	(105.547.731.031)	8.955.285.787.518

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu năm 2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
25	Chi phí bán hàng	409.617.824.936	25.618.048.477	435.235.873.413
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	86.966.647.634	(25.618.048.477)	61.348.599.157
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.415.866.979	(25.618.048.477)	72.797.818.502
60	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	85.910.577.629	(25.618.048.477)	60.292.529.152

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố chi phí phân bổ đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho niên độ kế toán 2023 và 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế TNDN (trước hồi tố)	120.974.167.970	85.910.577.629
- Ảnh hưởng hồi tố	(79.929.682.554)	(25.618.048.477)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN (sau hồi tố)	41.044.485.416	60.292.529.152

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	4.912.230.772	4.795.192.309

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ *Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	201.727.315.063	2.804.758.813.244	2.700.764.524.055	305.721.604.252
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	(23.770.187.160)	58.179.237.181	70.537.677.272	(36.128.627.251)
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*]	7.116.450	108.683.550	115.800.000	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	-	4.898.000	4.898.000	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	7.349.674.808	7.349.674.808	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	1.323.297.000	1.323.297.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	5.971.821.000	170.994.695.615	167.865.608.615	9.100.908.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương		400.000	400.000	
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	1.482.546.466	98.315.793.979	99.798.340.445	-
Cộng	185.418.611.819	3.141.035.493.377	3.047.760.220.195	278.693.885.001

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	9.961.780.345	7.930.476.917	10.229.349.305	7.662.907.957
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	4.800.000.000	1.549.193.529.235	1.550.392.900.000	3.600.629.235
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	7.033.670.043	6.457.028.794	7.033.670.043	6.457.028.794
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*]	-	36.804.200	36.804.200	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	48.900.000.000	-	48.900.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	462.047.213.743	446.871.283.743	15.175.930.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	3.743.327.000	3.743.327.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	11.250.000.000	11.250.000.000	-
Cộng	21.795.450.388	2.089.558.379.889	2.029.557.334.291	81.796.495.986

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải trả trong năm	Đã trả / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương [*]	4.736.710.174	234.139.782.997	234.651.319.612	4.225.173.559
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương [*]	-	260.000.000	260.000.000	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*]	22.822.000	128.184.000	151.006.000	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D [*]	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	16.007.890.000	15.523.250.000	484.640.000
Cộng	11.759.532.174	250.535.856.997	250.585.575.612	11.709.813.559

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thông tin về báo cáo bộ phận❖ *Theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ *Theo lĩnh vực kinh doanh*

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Năm nay:

Năm nay	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	20.966.810.586.981	168.397.565.844	333.789.132.568	21.468.997.285.393
- Giá vốn hàng bán	(20.262.991.597.167)	(74.843.260.150)	(210.903.755.883)	(20.548.738.613.200)
- Lợi nhuận gộp	703.818.989.814	93.554.305.694	122.885.376.685	920.258.672.193
- Doanh thu HĐ tài chính	18.306.939	-	57.683.077.380	57.701.384.319
- Chi phí tài chính	(187.247.910.660)	(25.438.588.111)	(71.756.581.137)	(284.443.079.908)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	41.455.576.351	41.455.576.351
- Chi phí bán hàng	(304.191.720.830)	(30.063.933.262)	(27.384.590.789)	(361.640.244.881)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(66.076.797.379)	(8.396.393.358)	(35.643.579.889)	(110.116.770.626)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	146.320.867.884	29.655.390.963	87.239.278.601	263.215.537.448
- Thu nhập khác	236.367.702	-	21.853.906.657	22.090.274.359
- Chi phí khác	(84.481.229.779)	(11.449.190.581)	(16.714.753.243)	(112.645.173.603)
- Lợi nhuận khác	(84.244.862.077)	(11.449.190.581)	5.139.153.414	(90.554.899.244)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.076.005.807	18.206.200.382	92.378.432.015	172.660.638.204
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(11.875.799.509)	(5.249.418.930)	(10.814.835.851)	(27.940.054.290)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	50.200.206.298	12.956.781.452	81.563.596.164	144.720.583.914

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Năm trước:

Năm trước	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	19.698.211.211.761	165.265.571.642	408.239.545.948	20.271.716.329.351
- Giá vốn hàng bán	(19.160.705.448.465)	(37.504.054.345)	(280.309.264.514)	(19.478.518.767.324)
- Lợi nhuận gộp	537.505.763.296	127.761.517.297	127.930.281.434	793.197.562.027
- Doanh thu HĐ tài chính	16.436.753	-	57.770.665.454	57.787.102.207
- Chi phí tài chính	(157.900.796.837)	(38.295.384.045)	(74.266.591.549)	(270.462.772.431)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	23.487.683.935	23.487.683.935
- Chi phí bán hàng	(277.697.432.082)	(125.222.591.675)	(32.315.849.656)	(435.235.873.413)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(60.434.974.050)	(13.801.749.354)	(33.188.379.764)	(107.425.103.168)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	41.488.997.080	(49.558.207.777)	69.417.809.854	61.348.599.157
- Thu nhập khác	124.117	-	72.439.828.093	72.439.952.210
- Chi phí khác	(12.855.808)	-	(60.977.877.057)	(60.990.732.865)
- Lợi nhuận khác	(12.731.691)	-	11.461.951.036	11.449.219.345
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.476.265.389	(49.558.207.777)	80.879.760.890	72.797.818.502
- Thuế TNDN hiện hành	(1.536.030.402)	-	(10.969.258.948)	(12.505.289.350)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	39.940.234.987	(49.558.207.777)	69.910.501.942	60.292.529.152

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

4. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành có hiệu lực trong năm 2025 như sau:

- Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2025.**
- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025**
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ, quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC, ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang